

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST

Ngày 15-01-2019

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Ngọc Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Biên

Ông Đào Tuấn Điệp

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Ngày 15 tháng 01 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 237/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2018 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị Mai P, sinh năm 1991; nơi cư trú: Xóm G, xã MT, huyện TN, thành phố Hải Phòng.

- *Bị đơn:* Anh KCY, sinh năm 1969; hiện trú tại: Phô TH, phường TS, khu GL, thành phố ĐN, ĐL.

Chị P có mặt, anh KCY vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn Chị Vũ Thị Mai P trình bày:

Chị P và anh KCY kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND thành phố Hải Phòng ngày 04 tháng 12 năm 2015. Sau khi kết hôn anh KCY quay trở lại Đài Loan sinh sống và hứa hẹn sẽ làm thủ tục bảo lãnh cho Chị P sang đoàn tụ, còn Chị P vẫn ở lại Việt Nam. Trong thời gian chờ thủ tục bảo lãnh, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng ngôn ngữ, chênh lệch về tuổi tác và lối sống. Hơn nữa mỗi người một nước nên tình cảm vợ chồng phai nhạt và mâu thuẫn không thể khắc phục. Chị P đã tìm hiểu qua người thân, bạn bè được biết anh KCY không đủ khả năng bảo lãnh cho chị sang đoàn tụ cùng chồng.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh KCY.

Về con chung và tài sản chung: Vợ chồng không có con chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong đơn xin ly hôn, đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, đồng thời ủy quyền cho Chị P nhận văn bản tố tụng của Tòa án (đã hợp pháp hóa lãnh sự) anh KCY thống nhất trình bày về điều kiện kết hôn, lý do xin ly hôn như Chị P đã trình bày.

Do anh KCY ở nước ngoài nên theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa Chị P có mặt, anh KCY vắng mặt, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị P và anh KCY kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND thành phố Hải Phòng ngày 04 tháng 12 năm 2015. Căn cứ Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 thì đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Cả Chị P và anh KCY đều có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng giải quyết việc ly hôn, anh KCY hiện đang cư trú ở nước ngoài nên theo khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Anh KCY vắng mặt tại phiên tòa nhưng anh có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và ủy quyền cho Chị Vũ Thị Mai P nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Anh KCY.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn anh KCY quay trở lại Đài Loan sinh sống và hứa hẹn sẽ làm thủ tục bảo lãnh cho Chị P sang đoàn tụ, còn Chị P vẫn ở lại Việt Nam. Trong thời gian chờ thủ tục bảo lãnh, vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng ngôn ngữ, chênh lệch về tuổi tác và lối sống. Hơn nữa mỗi người ở một nước nên tình cảm vợ chồng phai nhạt và mâu thuẫn không thể khắc phục. Chị P đã tìm hiểu qua người thân, bạn bè được biết anh KCY không đủ khả năng bảo lãnh cho chị sang đoàn tụ. Nay Chị P xác định tình cảm không còn, nên việc Chị P đề nghị được ly hôn với anh KCY là hoàn toàn chính đáng.

Xét quan hệ hôn nhân giữa Chị Vũ Thị Mai P và anh KCY đã thực sự không còn yêu thương nhau, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy cần áp dụng Điều 51, Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận đề nghị ly hôn của Chị P.

[4]. Về con chung và tài sản chung: Vợ chồng thống nhất trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vũ Thị Mai P là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6]. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị Vũ Thị Mai P và anh KCY được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 3 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; điểm d khoản 1 Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Mai P được ly hôn với anh KCY.

2. Về con chung và tài sản chung: Chị P và anh KCY không có con chung và tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Vũ Thị Mai P phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001602 ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

- Chị Vũ Thị Mai P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Anh KCY được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- THADS TP Hải Phòng;
- UBND TP Hải Phòng;
- Đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Ngọc Dũng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Biên Đào Tuấn Điệp

Lương Ngọc Dũng